

Số: 02/2023/QĐST-DS

Tân An, ngày 16 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản trong khối
tài sản chung để thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn
- Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên họp: Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 275/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Vòng Vĩnh C, sinh năm 19XY; cư trú tại: Tổ A, Ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 19YZ; cư trú tại: Số ABC Ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 11 năm 2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; cư trú tại: Số A Đường P, Phường M, thành phố T tỉnh Long An.
- Chị Nguyễn Đình N, sinh ngày 20/5/20AB; địa chỉ thường trú: Số A Đường P, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An; hiện cư trú tại: Số ZY, Phường Y, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Đình N: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1951; cư trú tại: Số ZY, Phường Y, thành phố T, tỉnh Long An; là người đại diện theo pháp luật (Theo văn bản chỉ định người đại diện số 01/TB-TA ngày 22 tháng 02 năm 2023).

(Bà X có mặt, bà T và bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 13 tháng 11 năm 2021, ngày 19 tháng 7 năm 2022 của ông Vòng Vĩnh C và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ việc của bà Nguyễn Thị X, là người đại diện theo ủy quyền của ông C thể hiện:

Bà Nguyễn Thị T là người phải thi hành án cho ông Vòng Vĩnh C theo Bản án dân sự phúc thẩm số 199/2019/DS-PT ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Ngày 01 tháng 10 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 06/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2019 cho thi hành án đối với bà Nguyễn Thị T đối với các khoản gồm: Buộc bà T trả cho ông C số tiền nợ gốc là 1.056.000.000 đồng và 416.768.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.472.768.000 đồng; kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án. Bà T còn phải nộp tiếp 1.200.000 đồng tiền chi phí giám định để hoàn trả cho ông C.

Qua quá trình xác minh tài sản thi hành án thể hiện bà T có tài sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ mà kéo dài thời hạn trả tiền cho ông C, cụ thể: Bà T đang đứng tên nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 541270 và CK 541272 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cùng ngày 14/9/2017 cho bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Đình N đứng tên đồng sở hữu đối với nhà và đất thửa số 8, tờ bản đồ số 13, tọa lạc Phường Y, thành phố T, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An có thông báo cho bà T và chị Nguyễn Đình N thực hiện phân chia hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản đứng tên đồng sở hữu, sử dụng theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn được thông báo nhưng bà T và chị N không thực hiện việc phân chia tài sản chung. Đến ngày 03 tháng 11 năm 2021, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An có Thông báo cho ông C về quyền yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án. Do đó, ngày 17 tháng 11 năm 2021, ông C nộp đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Tân An yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T trong khối tài sản chung với chị Nguyễn Đình N đối với nhà và đất ở thửa số 8, TĐĐ số 13, tọa lạc số 34A Phan Văn Lại, Phường Y, thành phố T, tỉnh Long An để thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Đình N do bà Nguyễn Thị Ngọc D đại diện vắng mặt tại phiên họp nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày như sau:

Mẹ ruột cháu N chết khi cháu N vừa được sinh ra. Sau khi cha ruột cháu N là ông Nguyễn Đình T chết vào ngày 01 tháng 12 năm 2015, cháu N được bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến nay. Để làm thủ tục về đứng tên quyền tài sản nhà đất của ông T để lại cho cháu N nên gia đình có yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố T ra Quyết định về việc công nhận giám hộ cho cháu N. Tại Quyết định số

270/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố T đã công nhận cho bà D và ông Nguyễn Đình Đ là chủ ruột của cháu N cùng đứng tên giám hộ cho cháu N. Bà D không biết quy định về việc một người chỉ được một người giám hộ trừ cha mẹ, ông bà. Bà D đã được Tòa án thông báo nội dung này và bà D đồng ý là người đại diện hợp pháp cho cháu N trong vụ việc nêu trên.

Bà D xác định bà và gia đình biết sự việc bà Nguyễn Thị T là mẹ kế của cháu N nợ ông Vòng Vĩnh C. Bà T cũng nhiều lần hứa hẹn trả nợ cho ông C. Đối với tài sản nhà, đất tại Số A Đường P, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An có nguồn gốc là do bà D vừa bán vừa cho cha ruột của cháu N. Trước khi cha ruột của cháu N chết, ông có lập di chúc để lại tài sản cho bà T và cháu N cùng hưởng. Di chúc này được Văn phòng công chứng Phạm Thị H công chứng vào ngày 13 tháng 11 năm 2015. Đến ngày 14 tháng 9 năm 2017, cháu Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị T được đứng tên sở hữu chung nhà ở và đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 541270 và CK 541272, sổ vào sổ cấp GCN: CS08323 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp. Trước yêu cầu của ông Vòng Vĩnh C, bà D đại diện cho cháu N xác định bà T và cháu N mỗi người có $\frac{1}{2}$ phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản đối với nhà và đất tọa lạc số A Đường P, Phường Y, thành phố T, tỉnh Long An. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của ông C theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Đình N do bà Nguyễn Thị Ngọc D đại diện vắng mặt tại phiên họp không lý do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung vụ việc: Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 199/2019/DS-PT ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Quyết định số 06/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thì bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Vòng Vĩnh C số tiền 1.473.968.000 đồng và lãi chậm thi hành án, số tiền giám định là 1.200.000 đồng. Quá trình xác minh thi hành án xác định bà T và con gái Nguyễn Đình N có tài sản chung là nhà ở và đất ở thuộc thửa số 8, TĐĐ số 13, tọa lạc Số A Đường P, Phường M, thành phố Tỉnh Long An, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/9/2017. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thể hiện tài sản này thuộc sở hữu chung của bà T và chị An. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An đã thông báo cho bà T, chị An tự phân chia tài sản chung nhưng cả hai đều không tự nguyện phân chia tài sản để bà T thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho ông C. Do đó, ông C là người được thi hành án và có đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu về tài sản của bà T trong khối tài sản chung với N đối với nhà và đất nêu trên để làm cơ sở thi hành án là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Điều 209 Bộ luật Dân sự có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Đình N mỗi người sở hữu $\frac{1}{2}$ nhà ở và đất thuộc thửa số 8, TĐC số 13, tọa lạc Số A Đường P, Phường M, thành phố Tỉnh Long An. Ông C phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Tân An nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T là người phải thi hành án cho ông Vòng Vĩnh C theo Quyết định số 06/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. Quá trình xác minh điều kiện thi hành án xác định bà T và chị Nguyễn Đình N cùng đứng tên quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở thuộc thửa số 8, TĐĐ số 13, tọa lạc Số A Đường P, Phường M, thành phố Tỉnh Long An. Bà T và người giám hộ của chị N đã được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An tổng đạt hợp lệ Thông báo số 991/TB-CCTHADS ngày 30/11/2020 về việc thỏa thuận phân chia hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản đứng tên đồng sở hữu, sử dụng theo thủ tục tố tụng và được giải thích nhiều lần về thủ tục phân chia tài sản chung để thi hành án. Tuy nhiên, tại các biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 13/4/2021, ngày 02/11/2021, bà T và người giám hộ của chị N xác định không thỏa thuận phân chia tài sản mà đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự thông báo cho ông C yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 03 tháng 11 năm 2021, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An ban hành Thông báo số 607/TB-CCTHADS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung cho ông Vòng Vĩnh C. Đến ngày 17 tháng 11 năm 2021, ông C nộp đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T trong khối tài sản chung với chị Nguyễn Đình N để thi hành án cho ông C. Căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý giải quyết việc dân sự theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về xác định người đại diện cho chị Nguyễn Đình N tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc D có nộp cho TAND thành phố Tân An bản sao Quyết định về việc công nhận giám hộ số 270/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố T với nội dung (tóm tắt): Công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 29/6/1951; thường trú: Số ZY, Phường Y, thành phố T, tỉnh Long An và ông Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 25/3/1972; thường trú: Số Y Đường N, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cùng giám hộ cho chị Nguyễn Đình N. Nhận thấy Quyết định này được ban hành chưa đúng quy định về người giám hộ theo Điều 58 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và thẩm quyền đăng ký giám hộ theo Điều 29 Mục 5 của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên khi tham gia tố tụng trong vụ việc do Tòa án đang giải quyết nên ngày 17 tháng 11 năm 2022 và ngày 10 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố T kiểm tra lại tính hợp pháp của Quyết định nêu trên, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục giám hộ đúng quy định và có văn bản phản hồi kết quả cho Tòa án. Tuy nhiên, đã quá thời hạn yêu cầu mà Tòa án nhân dân thành phố Tân An vẫn không nhận được văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố T. Căn cứ Điều 88 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã có văn bản chỉ định bà Nguyễn Thị Ngọc D là cô ruột làm người đại diện hợp pháp cho

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Đình N tham gia tố tụng trong vụ việc dân sự theo đơn yêu cầu của ông Vinh Vọng C. Bà D cũng thể hiện ý kiến đồng ý làm người đại diện cho chị N.

[1.3] Về giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ngọc D đại diện cho chị Nguyễn Đình N: Bà T và bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 369 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Xét yêu cầu của ông Vòng Vính C thấy rằng:

[2.1] Tại Di chúc ngày 13 tháng 11 năm 2015 do ông Nguyễn Minh T lập, được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Long An công chứng thể hiện: ông T là người có quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc số A Đường P, Khu phố B, Phường Y, thành phố T, tỉnh Long An, cụ thể nhà và đất như sau:

Đất ở thửa số 8, tờ bản đồ số 13, diện tích 181,8m², trong đó DTLG: 22,5m², chỉ giới xây dựng 22,5m², hình thức sử dụng: riêng 181,8m²; nguồn gốc sử dụng đất: nhận tặng cho quyền sử dụng đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Nhà ở: loại nhà ở: nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng: 117,50m², diện tích sàn: 117,50m², cấp (hạng): cấp 3, hình thức sở hữu: sở hữu riêng.

Trong di chúc này, ông T để lại tài sản nêu trên cho vợ tên Nguyễn Thị T và con là Nguyễn Đình N trọn quyền thừa hưởng.

[2.2] Theo văn bản khai nhận thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Đình N (do bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Đình Đ làm giám hộ) lập ngày 10 tháng 7 năm 2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Phạm Thị Hi thể hiện nội dung người kê khai cam kết như sau *“Đã khai đúng sự thật về hộ tịch, không bỏ sót người thừa kế theo quy định của pháp luật; Cha, mẹ ruột của ông Nguyễn Đình T đã qua đời trước ông Nguyễn Đình T. Ông Nguyễn Đình T không có cha, mẹ nuôi; Di sản nêu trên là tài sản riêng của ông Nguyễn Đình T; Di sản nêu trên không bị tranh chấp, không được dùng để bảo đảm một nghĩa vụ nào khác; Cam kết kê khai di sản thừa kế này do chúng tôi lập và việc kê khai di sản thừa kế và người thừa kế nêu trên không nhằm trốn tránh việc thực hiện bất kỳ một nghĩa vụ nào về tài sản của người để lại di sản; Bản Di chúc được nêu trong văn bản khai nhận di sản này là di chúc cuối cùng về việc định đoạt tài sản nêu trên và là di chúc hợp pháp của ông Nguyễn Đình T; Chúng tôi là người thừa kế di sản hợp pháp của ông Nguyễn Đình T, ngoài tôi ra không còn ai có quyền thừa kế di sản nêu trên của ông Nguyễn Đình T; Chúng tôi đã đọc lại và hiểu rõ toàn bộ nội dung văn bản khai nhận di sản thừa kế này và ký tên dưới đây làm bằng chứng”*.

[2.3] Sau khi kê khai di sản thừa kế, bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Đình N đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 541270 và CK 541272, số vào sổ cấp GCN: CS08323 ngày 14/9/2017 đồng đứng tên sở hữu chung tài sản là nhà ở và đất ở thửa số 8, tờ bản đồ số 13, diện tích 181,8m² tọa lạc Số A Đường P, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An. Bà T và chị N có quyền sở hữu chung đối với tài sản này theo Điều 207, 209 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Quá trình xác minh tài sản của bà T để thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 06/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 10 năm

2019 thể hiện bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sở hữu chung nhà ở và đất ở với chị Nguyễn Đình N, tài sản tọa lạc Số A Đường P, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 541270 và CK 5417272, sổ vào sổ cấp GCN: CS08323 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cùng ngày 14/9/2017. Căn cứ Điều 219 Bộ luật Dân sự, bà T và chị An đều có quyền yêu cầu phân chia tài sản thuộc sở hữu chung nhưng cả hai đều không thực hiện quyền này. Tại biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 05/02/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An lập với bà T thể hiện nội dung: Bà T xin bên ông C cho bà T thời gian hạn cuối là ngày 31/3/2021 để bà T nộp đủ tiền thi hành án từ việc tự bán tài sản. Tuy nhiên đến ngày 02/11/2021, bà T có ý kiến không đồng ý thỏa thuận phân chia tài sản nêu trên và phía chị N do bà D đại diện cũng không thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án phân chia.

[2.5] Bà T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc theo yêu cầu của ông Vòng Vĩnh C đồng thời bà T cũng không gửi văn bản đến Tòa án để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông C. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lập luận nêu trên cùng lời trình bày của bà D có căn cứ xác định bà T đã thừa nhận bà T và chị N mỗi người có $\frac{1}{2}$ phần quyền sở hữu nhà ở, $\frac{1}{2}$ phần quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 13, diện tích 181,8m² tọa lạc Số A Đường P, Phường Y, thành phố T.

[2.6] Từ các cơ sở nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Vòng Vĩnh C về việc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T trong khối tài sản chung với chị Nguyễn Đình N để thi hành án theo Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp là có căn cứ.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Vòng Vĩnh C phải chịu 300.000 đồng lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều: 27, 35, 40, 361, 367, 369, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điều: 209 Bộ luật Dân sự, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Vòng Vĩnh C.

Xác định bà Nguyễn Thị T có $\frac{1}{2}$ phần quyền sở hữu nhà ở và $\frac{1}{2}$ phần quyền sử dụng đất ở trong khối tài sản chung với chị Nguyễn Đình N đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 13, diện tích 181,8m², loại đất ODT; nhà và đất tọa lạc: Số A Đường P, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An (đất và nhà ở đã được chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 541270 và CK 5417272, sổ vào sổ cấp GCN: CS08323 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/9/2017 cho đồng sở hữu chung là chị Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị T).

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Vòng Vĩnh C phải chịu 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng mà ông C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001966 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành lệ phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được tổng đạt hợp lệ; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Viện KSND tp Tân An;
- Người yêu cầu;
- Chi cục THADS tp Tân An;
- Lưu: HS việc dân sự, AV.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Toàn Vẹn